

Bản án số: **44/2022/HNGĐ - ST**
Ngày: 29 – 7 – 2022
V/v: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Vũ Ngọc Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Vân Hoàng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 580/2020/HNGĐ - ST ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 522/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 554/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Triệu Ngọc H**, sinh năm 1994

Hộ khẩu thường trú: Tổ 22, Khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1999

Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020 và các lời trình bày có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Triệu Ngọc H trình bày:*

Chị Triệu Ngọc H và anh Nguyễn Tấn L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 06/3/2019.

Sau khi kết hôn, chị và anh L chung sống với nhau tại: Tổ 22, Khu K,

thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình chung sống, chị và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng bất hòa, nhiều lần cãi vã, xô xát lẫn nhau.

Từ khoảng tháng 12 năm 2019, anh L bỏ về nhà cha mẹ của anh ở ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Từ đó đến nay chị và anh L sống ly thân nhau, không hòa giải lần nào, anh L cũng không đến thăm nom chăm sóc con chung.

Tháng 7 năm 2020, chị đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L, tuy nhiên vì thương con nhỏ và muốn có cơ hội để hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nên tháng 8 năm 2020, chị đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án (theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 135/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch). Mặc dù vậy giữa chị và anh L vẫn không thể nào hòa hợp với nhau vì mâu thuẫn đã quá trầm trọng, hiện tại chị xác định không còn tình cảm với anh L, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/12/2019. Hiện nay cháu V đang ở cùng mẹ và gia đình ngoại. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn L nhưng anh L không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai thể hiện:*

Chị Triệu Ngọc H và anh Nguyễn Tấn L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 06/3/2019. Chị Triệu Ngọc H và anh Nguyễn Tấn L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/12/2019. Quá trình chung sống với nhau tại địa phương, Chị H và anh L có mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ. Chưa lần nào anh chị đến Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai yêu cầu hòa giải đoàn tụ hay hòa giải về bạo lực gia đình. Về tài sản chung, nợ chung của Chị H và anh L: Địa phương không nắm rõ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của

đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên kiến nghị vi phạm này.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H, cho Chị H và anh L ly hôn.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/12/2019 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Triệu Ngọc H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn – chị Triệu Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tấn L và giải quyết các vấn đề về nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Theo Biên bản xác minh tại Công an xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai thể hiện: Bị đơn - anh Nguyễn Tấn L, có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (hộ ông Nguyễn Tấn T), hiện nay anh L đang cư trú, sinh sống tại địa chỉ nêu trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2] Về tư cách đương sự:

Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Triệu Ngọc H; Bị đơn là anh Nguyễn Tấn L.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa (nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do). Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Triệu Ngọc H và anh Nguyễn Tấn L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 06/3/2019.

Căn cứ các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014, xác định hôn nhân giữa chị Triệu Ngọc H và anh Nguyễn Tấn L là hợp pháp.

Chị H và anh L sống ly thân nhau đã lâu, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh L để làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vẫn vắng mặt thể hiện anh không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa Chị H và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của Chị H và phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Ngọc H về việc “Ly hôn” đối với bị đơn chị Nguyễn Tấn L.

[3.2]. Về con chung: Chị Triệu Ngọc H và anh Nguyễn Tấn L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/12/2019. Khi ly hôn Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ; Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh L nhưng anh L không đến Tòa án trình bày ý kiến, không có yêu cầu tranh chấp về việc nuôi con chung. Cháu V hiện nay dưới 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi và đang được Chị H (mẹ đẻ) trực tiếp chăm sóc.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3]. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3.3]. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 217, 220, 228, 266, 267 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn chị Triệu Ngọc H

Xử: Chị Triệu Ngọc H được ly hôn anh Nguyễn Tấn L.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nuôi con chung. Giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/12/2019 cho chị Triệu Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm thời anh Nguyễn Tấn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Tấn L được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, Chị H, anh L có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về án phí: Chị Triệu Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000831 ngày 10/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh ĐN;
- VKS, THA cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Vũ Ngọc Hiệp